

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 269/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 11 - 2019

V/v “Ly hôn giữa ông T và bà M”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Doãn Đức

Ông Huỳnh Phi Hồ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa:** Không tham gia.

Ngày 12/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2192/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Duy T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bà Trịnh Xim M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(ông T, bà M có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn ông Võ Duy T trình bày:**

Tôi và bà Trịnh Xim M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Chúng tôi chung sống với nhau không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Bà M từng bị Tòa án xét xử 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mới chấp hành xong hình phạt tù về địa phương năm 2019, sau khi ra tù bà không chịu tu chí làm ăn, không chăm sóc cho gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Hoàng Quốc T 1, sinh ngày 19/7/2003, Võ Hoàng Quốc T 2 sinh ngày 14/02/2005 và cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 19/01/2008. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao 03 con cho bà M được

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời tôi cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi con 01 tháng 3.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Trịnh Xim M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông T xây dựng gia đình với nhau năm 2005, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay ông T làm đơn ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Hoàng Quốc T 1, sinh ngày 19/7/2003, Võ Hoàng Quốc T 2 sinh ngày 14/02/2005 và cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 19/01/2008. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Tạm thời tôi yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trịnh Xim M hiện cư trú tại địa bàn TP. Biên Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Trịnh Xim M nhưng bà không đến tòa **tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không đến Tòa án tham gia xét xử** mà có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, xét xử của Tòa án, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông T và bà Trịnh Xim M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Xim M và ông Võ Duy T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Quá trình chung sống theo ông T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống với nhau không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Bà M từng bị Tòa án xét xử 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mới chấp hành xong hình phạt tù về địa phương năm 2019, sau khi ra tù bà không chịu tu chí làm ăn, không chăm sóc cho gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn xin ly hôn với bà M.

Bà Trịnh Xim M cũng thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay ông T làm đơn ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Trịnh Xim M đã thật sự trầm trọng. Thể hiện việc ông T cương quyết ly hôn, bà M cũng đồng ý ly hôn, cả hai ông bà không có ý muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T, giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trịnh Xim M là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Trịnh Xim M, ông T có 03 con chung tên Võ Hoàng Quốc T 1, sinh ngày 19/7/2003, Võ Hoàng Quốc T 2, sinh ngày 14/02/2005 và cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 19/01/2008. Khi ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Tạm thời tôi yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Ông T cũng đồng ý giao 03 con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Các cháu Trung, Trí và Trang đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Thiết nghĩ, nên giao cháu T 1, T 2 và T cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của bà M, ông T và các con. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu 3.500.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng theo quy định. Tổng số tiền án phí ông T phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai số 0000612 ngày 17/9/2019, ông T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Duy T được ly hôn với bà Trịnh Xim M

Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng Quốc T 1, sinh ngày 19/7/2003, Võ Hoàng Quốc T 2, sinh ngày 14/02/2005 và cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 19/01/2008 cho ông Trịnh Xim Min được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Án phí sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng theo quy định. Tổng số tiền án phí ông T phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai số 0000612 ngày 17/9/2019, ông T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Ông T và bà Trịnh Xim M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quyên**

Hội thẩm nhân dân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nơi nhận**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quyên**